TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-4-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông LÊ VĂN XÔ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông NGUYỄN QUÝ ÁNH;

Ông NGUYỄN NGỌC DUY.

- Thư ký phiên toà: Bà NGUYỄN THỊ THANH NHI – Thư ký Toà án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà CAO THỊ NGA – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Trần Minh P, sinh năm: 1991 (có mặt)

Địa chỉ: 130/23/3 O, phường W, quận Q, TP. Z

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Y, xã X, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Minh P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Minh H1 sống chung với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 11 tháng 5 năm 2016.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Sống với nhau được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bất đồng trong nếp sinh hoạt hàng ngày, bà H1 ít chia sẻ và cũng ít khi quan

tâm đến cuộc sống gia đình. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn là bà H1 chuyển ra bên ngoài thuê phòng trọ ở một thời gian thì về. Tình trạng này cứ lập đi lập lại nhiều lần khiến bản thân tôi cảm thấy mệt mỏi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng càng ngày càng nhiều mà khó có thể giải quyết được. Sau khi mâu thuẫn trở nên trầm trọng thì vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 10 năm 2020. Sau đó, bà H1 bỏ về nhà mẹ ruột ở xã X, huyện H, tỉnh Bình Thuận sống đến nay. Hiện tại ông P đã không còn tình cảm gì với bà H1, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau.

Về con chung: Ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị Minh H1 có 01 (một) con chung tên là Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 17/12/2016. Con chung hiện nay đang ở với bà Nguyễn Thị Minh H1.

Nguyện vọng của ông Trần Minh P là đồng ý giao con chung là Trần Ngọc Quỳnh A cho bà Nguyễn Thị Minh H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Minh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Ngọc Quỳnh A với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông Trần Minh P không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trần Minh P không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay bà Nguyễn Thị Minh H1 vắng mặt. Tuy nhiên, theo biên bản lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H1 trình bày:

Bà và ông Trần Minh P sống chung với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X vào năm 2016. Sau khi kết hôn thì sống tại nhà ba mẹ ông P ở thành phố Z. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng lớn mà không thể nào hòa giải. Do đó, bà cùng con gái bỏ về nhà mẹ ruột ở thôn Y, xã X, huyện H, tỉnh Bình Thuận sống từ năm 2022 đến nay. Hiện tại vợ chồng bà đã ly thân, không còn liên lạc. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn chung sống hạnh phúc được nên cũng đồng ý ly hôn với ông Trần Minh P.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh H1 và ông Trần Minh P 01 (một) con chung tên là Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 17/12/2016. Con chung hiện nay đang ở với bà H1.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Quỳnh A.

Bà Nguyễn Thị Minh H1 yêu cầu ông Trần Minh P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đồng (Bằng chữ: Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy ông Trần Minh P yêu cầu ly hôn, nuôi con là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Đơn khởi kiện ghi ngày 18-10-2022 của ông Trần Minh P được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Trần Minh P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Minh H1. Người bị kiện là bà Nguyễn Thị Minh H1 có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 thì vụ án trên sẽ được đưa ra xét xử vào ngày 03 tháng 4 năm 2023. Tuy nhiên, bà H1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt bà nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H1 theo thủ tục quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị Minh H1 tự nguyện sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo trình bày của ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị Minh H1 đều cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng tuy đã nhiều lần hòa giải nhưng không thể nào hòa giải được nên năm 2020 ông P và bà H1 đã sống ly thân đến nay, không quan tâm cũng không còn tình cảm gì, không bên nào liên lạc với bên nào nhằm mục đích hàn gắn lại tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa ông P và bà H1 nhưng bà H1 không đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải, điều này chứng tỏ bà H1 cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm với ông P.

Xét tình trạng hôn nhân giữa ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị Minh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Minh P.

[5] Về con chung: Ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị Minh H1 có 01 (một) người con chung chưa thành niên tên là Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 17/12/2016. Ông Trần Minh P đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị Minh H1 và bà Nguyễn Thị Minh H1 cũng có nguyện vọng được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho bà

Nguyễn Thị Minh H1 được quyền trực tiếp tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên tên Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 17/12/2016.

[6] Về cấp dưỡng cho con: Ông Trần Minh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 17/12/2016 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000đồng (Bằng chữ: hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Trần Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Trần Minh P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Minh H1.

2. Về nuôi con:

2.1. Bà Nguyễn Thị Minh H1 được quyền trực tiếp tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 (một) con chung chưa thành niên là Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 17/12/2016.

2.2. Ông Trần Minh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 17/12/2016 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000đồng (Bằng chữ: hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

2.3. Ông Trần Minh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Nguyễn Thị Minh H1 cùng các thành viên khác trong gia đình bà H1 không được cản trở ông Trần Minh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

(Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật).

3. Về lãi suất do chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Ông Trần Minh P phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006656 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, như vậy ông Trần Minh P đã nộp đủ án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Buộc ông Trần Minh P phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện H;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện H;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Xô